

Phụ lục I
CÁC MỤC TIÊU CỤ THỂ CỦA KẾ HOẠCH
(Kèm theo Kế hoạch số: 16/KH-UBND ngày 23 /01/2026 của Ủy ban nhân dân xã Cao Lộc)

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá	Cơ quan phối hợp
I	PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG				
1	Tỷ lệ người dân được phủ sóng 5G trên địa bàn xã	%	≥ 70	Phòng Văn hoá - Xã hội xã	Các cơ quan, đơn vị; các thôn trên địa bàn
2	Tỷ lệ người sử dụng có khả năng truy cập băng rộng cố định với tốc độ trên 01 Gbps/s	%	≥ 65	Phòng Văn hoá - Xã hội xã	Các cơ quan, đơn vị; các thôn trên địa bàn
3	Cán bộ cấp xã có máy tính đáp ứng cấu hình tối thiểu và có chữ ký số cá nhân để giải quyết công việc trên môi trường điện tử	%	100	Phòng Văn hoá - Xã hội xã	Các cơ quan, đơn vị; các thôn trên địa bàn
II	PHÁT TRIỂN NGUỒN LỰC				
4	Tổng chi ngân sách nhà nước cho phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	%	≥ 2	Phòng Kinh tế xã	Các cơ quan, đơn vị; các thôn trên địa bàn
5	Cán bộ, công chức, viên chức được bồi dưỡng kỹ năng số cơ bản gắn với vị trí việc làm	%	100	Phòng Văn hoá - Xã hội xã	Các cơ quan, đơn vị; các thôn trên địa bàn
6	Cán bộ, công chức, viên chức làm chủ kỹ năng số, ứng dụng công nghệ trong quản lý, điều hành	%	≥ 90	Phòng Văn hoá - Xã hội xã	Các cơ quan, đơn vị; các thôn trên địa bàn
7	Dân số trưởng thành tiếp cận dịch vụ số trong y tế, giáo dục,	%	≥ 90	Trung tâm Y tế	Các cơ quan,

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá	Cơ quan phối hợp
	bảo hiểm, giao thông			xã	đơn vị; các thôn trên địa bàn
8	Tỷ lệ cán bộ có chuyên môn, kinh nghiệm về khoa học kỹ thuật trong đội ngũ lãnh đạo từng cơ quan, đơn vị nhà nước	%	≥ 6	Phòng Văn hoá - Xã hội xã	Các cơ quan, đơn vị; các thôn trên địa bàn
III	PHÁT TRIỂN KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ				
9	Số nhiệm vụ khoa học và công nghệ triển khai tại xã	Nhiệm vụ	≥ 30	Phòng Văn hoá - Xã hội xã	Các cơ quan, đơn vị; các thôn trên địa bàn
10	Ứng dụng một số công nghệ chiến lược, công nghệ số (AI, IoT, Big Data,...) trong quản lý môi trường, đô thị thông minh và các lĩnh vực trọng điểm để phát triển kinh tế xã hội; nâng cao chất lượng sống người dân	Ứng dụng	Ứng dụng	Phòng Văn hoá - Xã hội xã	Các cơ quan, đơn vị; các thôn trên địa bàn
IV	PHÁT TRIỂN HỆ SINH THÁI ĐỔI MỚI SÁNG TẠO				
11	Số tin bài khoa học ứng dụng liên quan đổi mới sáng tạo mỗi năm	Tin bài	≥ 10	Văn phòng HĐND và UBND xã; Trung tâm DVCI xã	Các cơ quan, đơn vị; các thôn trên địa bàn
V	PHÁT TRIỂN CHUYÊN ĐỔI SỐ				
12	Chỉ số chuyên đổi số xã	Điểm	$\geq 0,73$	Phòng Văn hoá - Xã hội xã	Các cơ quan, đơn vị; các thôn trên địa bàn
13	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số thủ tục hành chính đủ điều kiện	%	100	Trung tâm phục vụ Hành chính	Các cơ quan, đơn vị; các thôn

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá	Cơ quan phối hợp
				công xã	trên địa bàn
14	Tỷ lệ TTHC cung cấp DVC trực tuyến tại xã	%	100	Trung tâm phục vụ Hành chính công xã	Các cơ quan, đơn vị; các thôn trên địa bàn
15	Tỷ lệ TTHC cung cấp DVC trực tuyến toàn trình trên tổng số TTHC tại xã	%	≥ 70	Trung tâm phục vụ Hành chính công xã	Các cơ quan, đơn vị; các thôn trên địa bàn
16	Tỷ lệ số hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý hoàn toàn trực tuyến, người dân chỉ phải nhập dữ liệu một lần	%	≥ 90	Trung tâm phục vụ Hành chính công xã	Các cơ quan, đơn vị; các thôn trên địa bàn
17	Tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính tại xã	%	≥ 95	Trung tâm phục vụ Hành chính công xã	Các cơ quan, đơn vị; các thôn trên địa bàn
18	Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin dữ liệu số hóa	%	≥ 95	Trung tâm phục vụ Hành chính công xã	Các cơ quan, đơn vị; các thôn trên địa bàn
19	Tỷ lệ thủ tục hành chính được thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính trong phạm vi tại xã	%	100	Trung tâm phục vụ Hành chính công xã	Các cơ quan, đơn vị; các thôn trên địa bàn
20	Tỷ lệ thủ tục hành chính liên quan đến hộ kinh doanh trên địa bàn được thực hiện trực tuyến, thông suốt, liền mạch	%	100	Văn phòng Trung tâm phục vụ Hành chính công xã	Các cơ quan, đơn vị; các thôn trên địa bàn
21	Tỷ lệ thông tin, giấy tờ, tài liệu trong các TTHC liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh chỉ cung cấp một lần cho cơ quan hành chính nhà nước	%	100	Văn phòng Trung tâm phục vụ Hành chính	Các cơ quan, đơn vị; các thôn trên địa bàn

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá	Cơ quan phối hợp
				công xã	
22	Tỷ lệ giao dịch hành chính thuộc diện “phi tiếp xúc”	%	75	Văn phòng Trung tâm phục vụ Hành chính công xã	Các cơ quan, đơn vị; các thôn trên địa bàn
23	Tỷ lệ hài lòng của người dân, hộ kinh doanh khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến	%	≥ 95	Văn phòng Trung tâm phục vụ Hành chính công xã	Các cơ quan, đơn vị; các thôn trên địa bàn
24	Tỷ lệ kết nối, liên thông các hệ thống thông tin phục vụ hoạt động và chỉ đạo, điều hành (hệ thống quản lý văn bản và hồ sơ công việc, hệ thống thông tin báo cáo, hệ thống họp trực tuyến...)	%	100	Văn phòng HĐND và UBND xã	Các cơ quan, đơn vị; các thôn trên địa bàn
25	Tỷ lệ hồ sơ công việc tại xã được xử lý trên môi trường điện tử (trừ hồ sơ thuộc phạm vi bí mật nhà nước) và sử dụng chữ ký số chuyên dùng công vụ (dùng cho cá nhân, tổ chức) để giải quyết công việc	%	100	Phòng Văn hoá - Xã hội xã	Các cơ quan, đơn vị; các thôn trên địa bàn
26	Tỷ lệ hồ sơ, tài liệu công việc phát sinh mới được tạo lập và xử lý trên môi trường điện tử; hoàn thành số hoá tài liệu lưu trữ	%	100	Phòng Văn hoá - Xã hội xã	Các cơ quan, đơn vị; các thôn trên địa bàn
27	Tỷ lệ người dân từ đủ 14 tuổi trở lên có tài khoản định danh điện tử (VN eID)	%	≥ 80	Công an xã	Các cơ quan, đơn vị; các thôn trên địa bàn